

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017**

M.S.D.



---

Tháng 07 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23

102  
C  
KIẾ  
NH

21

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Bà Hoàng Ngọc Hà	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Hoàng Ngọc Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Ngọc Hà**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Số: 280/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/07/2017, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2017 đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Như trình bày tại thuyết minh số 13 - Vốn chủ sở hữu, tại thời điểm ngày 30/06/2017 Công ty chưa hạch toán trích lập các quỹ và chia cổ tức cho năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DK ngày 5/4/2017 của Công ty nguyên nhân do: Ban Giám đốc nhận thấy rằng số dư trên tài khoản 421-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 chưa chia là lợi nhuận giữ lại mà các cổ đông đồng ý để bổ sung vốn đầu tư Xây dựng kho Đa Phúc số tiền hơn 3,7 tỷ VND. Năm 2015 Công ty có khoản lỗ hơn 4,5 tỷ VND do đó số lãi của năm 2016 là 1,5 tỷ VND không đủ bù đắp phần lỗ của năm trước. Nếu thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DK ngày 5/4/2017 thì số tiền trích các quỹ là 301.887.512 VND và cổ tức chia cho các cổ đông là 435.040.000 VND. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Bùi Văn Ngọc**  
**Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0035-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.596.574.066</b>	<b>32.457.575.709</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>107.510.716</b>	<b>99.344.371</b>
1. Tiền	111		107.510.716	99.344.371
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.177.746.576</b>	<b>15.496.140.086</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	23.176.746.575	15.495.359.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.000.000	780.776
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>17.659.388.939</b>	<b>16.447.705.207</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.659.388.939	16.447.705.207
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>651.927.835</b>	<b>414.386.045</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	286.910.924	49.369.134
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	11	365.016.911	365.016.911
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.738.072.843</b>	<b>45.155.264.878</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.944.069.689</b>	<b>44.609.043.625</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.096.544.466	25.614.672.356
- Nguyên giá	222		34.301.590.141	34.301.590.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.205.045.675)	(8.686.917.785)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	18.847.525.223	18.994.371.269
- Nguyên giá	228		20.190.132.021	20.190.132.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.342.606.798)	(1.195.760.752)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>47.433.377</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	47.433.377
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>794.003.154</b>	<b>498.787.876</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	794.003.154	498.787.876
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>85.334.646.909</b>	<b>77.612.840.587</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.986.076.675</b>	<b>52.201.831.471</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.622.595.739</b>	<b>43.126.350.535</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	39.607.431.437	20.878.607.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.092.840	79.222.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	12.273.585.417	17.603.425.775
4. Phải trả người lao động	314		211.552.987	865.090.779
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		74.000.000	184.200.072
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		31.563.888	74.234.150
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	3.424.000.000	3.424.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(630.830)	17.569.170
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.363.480.936</b>	<b>9.075.480.936</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	7.363.480.936	9.075.480.936
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.348.570.234</b>	<b>25.411.009.116</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>22.348.570.234</b>	<b>25.411.009.116</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.752.000.000	21.752.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.752.000.000	21.752.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.904.290.336	2.904.290.336
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.307.720.102)	754.718.780
- LNST/(LST) chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		754.718.780	(762.601.738)
- LNST/(LST) chưa phân phối kỳ này	421b		(3.062.438.882)	1.517.320.518
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>85.334.646.909</b>	<b>77.612.840.587</b>

*Đỗ Thị Thu Hằng*

Đỗ Thị Thu Hằng  
 Người lập biểu  
 Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

*Đỗ Thị Thu Hằng*

Đỗ Thị Thu Hằng  
 Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Hà  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		342.959.051.780	212.694.271.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.237	81.900.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	342.959.039.543	212.612.371.072
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	16	339.213.853.274	207.087.711.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.745.186.269	5.524.659.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.382.945	5.396.499
7. Chi phí tài chính	22	18	627.814.614	815.150.583
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		627.814.614	800.653.957
8. Chi phí bán hàng	25	19	5.134.437.324	5.158.153.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.148.445.462	1.063.059.358
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(3.164.128.186)	(1.506.307.178)
11. Thu nhập khác	31		101.689.304	8.813.975
12. Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		101.689.304	8.813.975
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.062.438.882)	(1.497.493.203)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(3.062.438.882)	(1.497.493.203)

Đỗ Thị Thu Hằng  
Người lập biểu  
Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Hà  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1	(3.062.438.882)	(1.497.493.203)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	2	1.664.973.936	1.692.304.614
Các khoản dự phòng	3	-	(839.743.753)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.382.945)	(5.396.499)
Chi phí lãi vay	6	627.814.614	800.653.957
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(771.033.277)	150.325.116
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(7.681.606.490)	(4.297.030.921)
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(1.211.683.732)	(26.765.350.499)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.563.695.204	34.415.812.733
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(485.323.691)	229.311.058
Tiền lãi vay đã trả	13	(627.814.614)	(821.451.886)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.200.000)	(108.185.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.768.033.400</b>	<b>2.803.430.601</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(49.250.000)	(239.281.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.382.945	5.396.499
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(47.867.055)</b>	<b>(233.884.501)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	24.963.480.936
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.712.000.000)	(26.675.480.936)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.712.000.000)</b>	<b>(1.712.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>8.166.345</b>	<b>857.546.100</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>99.344.371</b>	<b>80.343.880</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>107.510.716</b>	<b>937.889.980</b>

*Đỗ Thị Thu Hằng*

Đỗ Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

*Đỗ Thị Thu Hằng*

Đỗ Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Hà  
Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên là doanh nghiệp cổ phần được chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Cảng Xăng dầu Thái Hà theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4600409345 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 11/06/2007; Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/06/2011. Vốn điều lệ của Công ty là 21.752.000.000 VND, tương đương 2.175.200 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2017 là 41 người (tại ngày 31/12/2016 là 41 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu mỡ nhờn;
- Mua bán khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Mua bán xuất nhập khẩu các loại quặng kim loại; Mua bán sắt thép xây dựng; Mua bán xi măng;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô; Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Cảng sông; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Xây dựng dân dụng, giao thông; Thủy lợi; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác, mua bán cát sỏi; Mua bán than.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn tổng nợ ngắn hạn là khoảng 14 tỷ VND, cho thấy việc mất cân đối trong khả năng thanh toán của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đã có các kế hoạch gia hạn các khoản nợ tới hạn thanh toán trong thời gian tới, đẩy mạnh kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và kiểm soát tốt nhằm giảm chi phí để tăng lãi từ hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

#### Các bên liên quan

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên (PVOil);
- Các đơn vị thành viên và có vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi (tên cũ là Doanh nghiệp tư nhân Hoà Bi): bên liên quan của Công ty là do mối quan hệ nhân thân - Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi là cha đẻ của Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty và cũng là cổ đông góp vốn vào Công ty;
- Các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 06
Thiết bị quản lý	6
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí san lấp mặt bằng được ghi nhận theo Báo cáo thẩm định giá bất động sản.

Theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định bao gồm cả quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn, Công ty đang trích khấu hao đối với tài sản vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn dựa trên thời của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê cửa hàng xăng dầu, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê cửa hàng xăng dầu thể hiện số tiền thuê cửa hàng đã được trả trước. Tiền thuê cửa hàng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà văn phòng và cửa hàng xăng dầu.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm xe và cháy nổ tại các cửa hàng xăng dầu phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

54  
ON  
TI  
EN  
VA  
IF

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty có thực hiện áp dụng chiết khấu hàng bán có sự thay đổi trong từng thời điểm và đã được ban hành thành văn bản. Ban Giám đốc khẳng định việc thực hiện chiết khấu hàng bán đã được thực hiện đúng chính sách của Công ty và được phê duyệt đúng thẩm quyền, đây là thực tế hoạt động kinh doanh xăng dầu nói chung và của Công ty nói riêng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo-kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế phát sinh năm 2015 còn lại là 2.775.359.082 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ); Và khoản lỗ tính thuế của 6 tháng đầu năm 2017 là 2.981.345.882 VND, khoản lỗ này sẽ được bù trừ với thu nhập chịu thuế của 6 tháng cuối năm 2017 để xác định số lỗ lũy kế (nếu có) được chuyển lỗ cho cả năm 2017. Trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về thu nhập chịu thuế trong những năm tới.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	89.962.807	82.316.085
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	17.547.909	17.028.286
	<b>107.510.716</b>	<b>99.344.371</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>23.176.746.575</b>	<b>15.495.359.310</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi	7.019.875.484	6.678.307.429
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	5.402.187.510	-
Doanh nghiệp Xăng dầu Mạnh Hùng	2.011.365.080	1.998.702.300
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Việt Bắc MICCO	1.304.200.196	587.425.993
Công ty Cổ phần Gang thép Gia Sàng	1.463.094.355	1.493.415.915
Các đối tượng khác	5.976.023.950	4.737.507.673
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>13.339.350.581</b>	<b>6.678.432.893</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.129.717.521	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	28.268.596	-	48.179.861	-
Hàng hoá	12.501.403.022	-	16.399.525.346	-
	<b>17.659.388.939</b>	<b>-</b>	<b>16.447.705.207</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>286.910.924</b>	<b>49.369.134</b>
Thuê cửa hàng xăng dầu	272.727.272	-
Phân bổ công cụ, dụng cụ (dưới 1 năm)	-	49.369.134
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.183.652	-
<b>Dài hạn</b>	<b>794.003.154</b>	<b>498.787.876</b>
Tiền thuê cửa hàng xăng dầu	405.000.000	495.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	264.020.548	-
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	124.982.606	3.787.876

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	30.534.766.778	1.872.196.242	1.739.452.121	155.175.000	34.301.590.141
Số cuối kỳ	30.534.766.778	1.872.196.242	1.739.452.121	155.175.000	34.301.590.141
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>					
Số đầu kỳ	6.210.762.444	1.081.683.968	1.334.073.233	60.398.140	8.686.917.785
Khấu hao trong kỳ	1.369.770.054	74.578.980	60.847.608	12.931.248	1.518.127.890
Số cuối kỳ	7.580.532.498	1.156.262.948	1.394.920.841	73.329.388	10.205.045.675
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số cuối kỳ	22.954.234.280	715.933.294	344.531.280	81.845.612	24.096.544.466
Số đầu kỳ	24.324.004.334	790.512.274	405.378.888	94.776.860	25.614.672.356

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 978.790.950 VND (tại ngày 01/01/2017 là 978.790.950 VND).

Theo thuyết minh số 12, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thể chấp tại thời điểm 30/06/2017 là 13.297.702.996 VND (31/12/2016 là 14.118.675.940 VND).

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu kỳ	20.190.132.021	20.190.132.021
Số cuối kỳ	20.190.132.021	20.190.132.021
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>		
Số đầu kỳ	1.195.760.752	1.195.760.752
Khấu hao trong kỳ	146.846.046	146.846.046
Số cuối kỳ	1.342.606.798	1.342.606.798
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số cuối kỳ	18.847.525.223	18.847.525.223
Số đầu kỳ	18.994.371.269	18.994.371.269

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2017 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Trong đó tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AN 900432-15920 m<sup>2</sup> được trích khấu hao, các tài sản còn lại không trích khấu hao do quyền sử dụng đất là không thời hạn.

Theo thuyết minh số 12, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thể chấp tại thời điểm 30/06/2017 là 12.391.612.077 VND (tại 31/12/2016 là 12.517.482.513 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>39.607.431.437</b>	<b>39.607.431.437</b>	<b>20.878.607.687</b>	<b>20.878.607.687</b>
Tổng Công ty Dầu Việt nam	38.613.653.673	38.613.653.673	20.022.224.443	20.022.224.443
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	64.030.340	64.030.340	58.537.530	58.537.530
Các đối tượng khác	929.747.424	929.747.424	797.845.714	797.845.714
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<b>39.366.002.254</b>	<b>39.366.002.254</b>	<b>20.121.404.029</b>	<b>20.121.404.029</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp VND	Giá trị VND	Số phải nộp VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	4.044.740.108	5.963.544.333	7.996.355.444	2.011.928.997
Thuế thu nhập cá nhân	36.287.768	47.734.510	45.895.307	38.126.971
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.397.744	2.397.744	-
Các loại thuế khác	13.522.397.899	61.256.895.450	64.555.763.900	10.223.529.449
	<b>17.603.425.775</b>	<b>67.273.572.037</b>	<b>72.603.412.395</b>	<b>12.273.585.417</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	365.016.911	-	-	365.016.911
	<b>365.016.911</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>365.016.911</b>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN - DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.424.000.000</b>	<b>3.424.000.000</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>3.424.000.000</b>	<b>3.424.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP đầu tư và PT Việt Nam- CN Nam Thái Nguyên (i)	3.424.000.000	3.424.000.000	1.712.000.000	1.712.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.363.480.936</b>	<b>7.363.480.936</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.075.480.936</b>	<b>9.075.480.936</b>
- Ngân hàng TMCP đầu tư và PT Việt Nam- CN Nam Thái Nguyên (i)	7.363.480.936	7.363.480.936	1.712.000.000	-	9.075.480.936	9.075.480.936
<b>Cộng</b>	<b>10.787.480.936</b>	<b>10.787.480.936</b>	<b>3.424.000.000</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>12.499.480.936</b>	<b>12.499.480.936</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN - DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3011199/HĐTD ngày 26/01/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên và Công ty:
- Số tiền vay 17.135.146.724 VND;
  - Mục đích vay:
    - Cho vay tái cấu trúc dư nợ khoản vay đầu tư xây dựng kho cảng Xăng dầu Đa Phúc tại tổ chức tín dụng với số tiền tối đa: 16.054.830.936 VND;
    - Cho vay thanh toán theo khối lượng thực tế còn nợ nhà thầu, số tiền tối đa: 1.080.315.788 VND;
  - Thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày Bên vay rút khoản vay đầu tiên.
  - Lãi suất: Áp dụng theo nguyên tắc thả nổi, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/ năm. Điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/06, 01/12. Kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/06/2016. Lãi suất hiện tại: 9,5%/ tháng (được áp dụng tới hết 31/05/2016).
  - Biện pháp đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 908860 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 900431 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên và tài sản và vật kiến trúc trên đất tại công trình “Kho cảng Xăng dầu Đa Phúc” theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 218152 ngày 19/05/2016 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 908859 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 079622 ngày 09/06/2015 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp.

**Lịch trả nợ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	3.424.000.000	3.424.000.000
Trong năm thứ hai	3.424.000.000	3.424.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.939.480.936	5.651.480.936
Sau năm năm	-	-
	<b>10.787.480.936</b>	<b>12.499.480.936</b>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>(3.424.000.000)</i>	<i>(3.424.000.000)</i>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>7.363.480.936</b>	<b>9.075.480.936</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST/(LST) chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	21.752.000.000	2.904.290.336	(762.601.738)	23.893.688.598
- Lãi trong năm	-	-	1.517.320.518	1.517.320.518
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>2.904.290.336</b>	<b>754.718.780</b>	<b>25.411.009.116</b>
- Lãi/ (Lỗ) trong kỳ	-	-	(3.062.438.882)	(3.062.438.882)
- Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>2.904.290.336</b>	<b>(2.307.720.102)</b>	<b>22.348.570.234</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Ghi chú: (i) Tại thời điểm ngày 30/06/2017, Công ty chưa hạch toán trích lập các quỹ và chia cổ tức cho năm 2016 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DK ngày 5/4/2017 của Công ty nguyên nhân do: Ban Giám đốc nhận thấy rằng số dư trên tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 chưa chia là lợi nhuận giữ lại mà các cổ đông đồng ý để bổ sung vốn đầu tư Xây dựng kho Đa Phúc số tiền hơn 3,7 tỷ VND. Năm 2015 Công ty có khoản lỗ hơn 4,5 tỷ VND do đó số lãi của năm 2016 là 1,5 tỷ VND không đủ bù đắp phần lỗ của năm trước.

Nếu thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DK ngày 5/4/2017 nêu trên thì việc phân phối lợi nhuận năm 2016 sẽ được trích như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)
Trích các quỹ	40%	301.887.512
- Quỹ đầu tư phát triển	30%	226.415.634
- Quỹ phúc lợi	8%	60.377.502
- Quỹ khen thưởng	2%	15.094.376
- Quỹ thưởng Ban điều hành	0%	-
Chia cổ tức (% vốn điều lệ)	2%	435.040.000

**Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty dầu Việt Nam	11.092.500.000	11.092.500.000	51,0%
Bà Nguyễn Thị Hòa	8.483.900.000	8.483.900.000	39,0%
Ông Hoàng Văn Bi	1.000.000.000	1.000.000.000	4,6%
Bà Hoàng Ngọc Hà	1.175.600.000	1.175.600.000	5,4%
	<b>21.752.000.000</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>100,0%</b>

**14. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Hàng hóa xăng dầu nhận giữ hộ</i>			
Xăng A92 - DNTN Hòa Bi	Lít 15 độ C	-	171.082
Xăng A92 - Các đối tượng khác	Lít thực tế	-	805.208
Dầu DO - DNTN Hòa Bi	Lít 15 độ C	-	217.499
Dầu DO - Các đối tượng khác	Lít thực tế	16.534	103.982

**15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a) Doanh thu	342.959.051.780	212.694.271.172
- Doanh thu bán hàng hoá	342.626.044.540	212.606.218.211
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	333.007.240	88.052.961
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)	212.307.560.433	114.211.263.775
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.237	81.900.100
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	-	81.900.100
- Hàng bán bị trả lại.	12.237	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	339.213.853.274	207.087.711.256
	<b>339.213.853.274</b>	<b>207.087.711.256</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	458.052.834	716.730.892
Chi phí nhân công	2.326.119.165	2.232.380.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.664.973.936	1.692.304.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.719.676.988	1.017.311.738
Chi phí khác bằng tiền	114.059.863	562.484.908
	<b>6.282.882.786</b>	<b>6.221.212.910</b>

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	627.814.614	800.653.957
Lãi phạt chậm trả	-	14.496.626
	<b>627.814.614</b>	<b>815.150.583</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP - CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	776.296.508	680.309.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.143.590	35.314.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.062.648	154.062.648
Thuế, phí và lệ phí	5.397.744	5.236.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.329.592	157.008.090
Các khoản chi phí QLDN khác	9.215.380	31.126.982
	<b>1.148.445.462</b>	<b>1.063.059.358</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	1.549.822.657	1.552.070.838
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	379.909.244	214.859.837
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.510.911.288	1.538.241.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.594.347.396	1.326.859.845
Các khoản chi phí bán hàng khác	99.446.739	526.121.066
	<b>5.134.437.324</b>	<b>5.158.153.552</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(3.062.438.882)	(1.497.493.203)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	81.093.000	66.000.000
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>81.093.000</i>	<i>66.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	(2.981.345.882)	(1.431.493.203)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗi lũy kế có thể chuyển lỗ	5.756.704.964	5.956.172.803
<b>Cộng</b>	<b>5.756.704.964</b>	<b>5.956.172.803</b>

Tại ngày 30/06/2017, khoản lỗ tính thuế bao gồm: khoản lỗ tính thuế của năm 2015 (chưa quyết toán thuế) số tiền là 2.775.359.082 VND, thời hạn được chuyển lỗ của khoản lỗ này đến năm 2020; và khoản lỗ tính thuế của 6 tháng đầu năm 2017 là 2.981.345.882 VND, khoản lỗ này sẽ được bù trừ với thu nhập chịu thuế của 6 tháng cuối năm 2017 để xác định số lỗ lũy kế (nếu có) được chuyển lỗ cho cả năm 2017.

**22. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	(3.062.438.882)	(1.497.493.203)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Thường ban điều hành	-	-
Lợi nhuận/ (Lỗ) để tính lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(3.062.438.882)	(1.497.493.203)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi / (lỗ) trên cổ phiếu	2.175.200	2.175.200
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.408)	(688)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Năm 2017, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thường ban điều hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 23. NGHIỆP VỤ PHÁT SINH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>212.307.560.433</b>	<b>114.211.263.775</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bì	101.989.152.781	90.977.955.750
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	56.964.079.384	4.892.228.197
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	24.506.517.946	3.928.226.936
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	13.141.368.818	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	11.550.555.226	12.871.928.837
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	4.155.886.278	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	-	621.146.273
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	919.777.782
<b>Mua hàng dịch vụ</b>	<b>337.810.089.251</b>	<b>211.880.624.321</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	337.810.089.251	206.757.968.190
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	1.553.193.414
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	60.472.692
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	1.632.844.227
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	-	1.065.618.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bì	-	692.910.668
Chi nhánh Công ty CP dầu nhờn PVOIL Miền Bắc	-	117.617.130
<b>Cho vay hàng</b>	<b>32.108.262.917</b>	<b>1.868.401.554</b>
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	16.651.460.322	1.849.782.655
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	5.700.831.068	-
Chi nhánh Tổng Công ty TMKT và đầu tư - Công ty CP - XN xăng dầu Petec Hải Phòng	5.057.202.500	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.022.097.337	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Cái Lân	1.858.000.830	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	818.670.860	18.618.899
<b>Nhận lại hàng cho vay</b>	<b>32.108.262.917</b>	<b>1.868.401.554</b>
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	16.651.460.322	1.849.782.655
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	5.700.831.068	-
Chi nhánh Tổng Công ty TMKT và đầu tư - Công ty CP - XN xăng dầu Petec Hải Phòng	5.057.202.500	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.022.097.337	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Cái Lân	1.858.000.830	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	818.670.860	18.618.899
<b>Đi vay hàng</b>	<b>1.134.212.116</b>	<b>3.952.514.342</b>
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.083.929.000	984.500.000
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	50.283.116	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	1.085.850.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bì	-	1.882.164.342
<b>Trả lại hàng vay</b>	<b>1.134.212.116</b>	<b>3.952.514.342</b>
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.083.929.000	984.500.000
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	50.283.116	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	-
Công ty CP xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	1.085.850.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bì	-	1.882.164.342

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ PHÁT SINH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>13.339.350.581</b>	<b>6.678.432.893</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi	7.019.875.484	6.678.307.429
Cty CP xăng dầu dầu khí Quảng Ninh	5.402.187.510	-
Công ty CP xăng dầu dầu khí Cái Lân	909.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	8.287.587	125.464
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>39.366.002.254</b>	<b>20.121.404.029</b>
Tổng Công ty Dầu Việt nam	38.613.653.673	20.022.224.443
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi	615.768.546	-
Công ty CP vận tải xăng dầu dầu khí Việt Nam	64.030.340	58.537.530
Công ty CP xăng dầu dầu khí Cái Lân	72.549.695	40.642.056
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị	398.000.000	192.830.072

**24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Thông tin phi tiền tệ*

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 55.500.000 VND (6 tháng năm 2016 là 249.594.847 VND), là số tiền chưa thanh toán cho nhà cung cấp để thực hiện xây dựng tài sản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê cửa hàng xăng dầu như sau:

- Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu Thuận Thành số 67-HĐTTS/DKTN giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên với Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi (tên cũ là Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi) ngày 01/5/2012 về việc thuê trọn gói cửa hàng xăng dầu của DN Tư nhân Hòa Bi tại địa bàn xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Thời hạn thuê là 5 năm từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê trọn gói là 7.000.000 VND/tháng. Thanh toán 1 lần hàng tháng. Phụ lục hợp đồng số 67.1/PL-HĐTTS/DKTN từ ngày 01/12/2013, thanh toán tiền thuê 1 năm 1 lần sau khi nhận hóa đơn, giá thuê 180.000.000 VND/năm từ ngày 01/01/2014.
- Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu La Hiên số 66-HĐTTS/DKTN giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên với Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi (tên cũ là Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi) ngày 01/9/2011 về việc thuê trọn gói cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH MTV Thương mại Hoà Bi tại địa bàn thị trấn La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Thời hạn thuê tối đa là 5 năm từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê trọn gói là 10.000.000 VND/tháng. Thanh toán 1 tháng 1 lần ngay sau khi nhận hóa đơn GTGT. Phụ lục hợp đồng số 66.1/PL-HĐTTS/DKTN từ ngày 01/01/2014, giá thuê trọn gói là 144.000.000 VND/năm (đã bao gồm VAT). Thanh toán 1 năm 1 lần sau khi nhận hóa đơn GTGT.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu Thành Long số 01-HỆTCHXD/DKTN giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên với Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Thành Long ngày 25/09/2014 về việc thuê toàn bộ cửa hàng xăng dầu Thành Long thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Thành Long tại địa chỉ tổ 28 (tổ 61 trước đây) thuộc phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian thuê là 15 năm từ ký hợp đồng. Giá thuê trọn gói là 180.000.000 VND/năm. Thanh toán tiền thuê thành 3 kỳ, mỗi kỳ 5 năm và thanh toán vào đầu mỗi kỳ ngay sau khi phát hành hóa đơn GTGT.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị số kế toán		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Số cuối kỳ Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.510.716	-	99.344.371	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.177.746.575	-	15.496.140.086	-
	<b>23.285.257.291</b>	<b>-</b>	<b>15.595.484.457</b>	<b>-</b>
			Giá trị số kế toán	
			Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			10.787.480.936	12.499.480.936
Phải trả người bán, phải trả khác			39.638.995.325	20.952.841.837
Chi phí phải trả			74.000.000	184.200.072
			<b>50.500.476.261</b>	<b>33.636.522.845</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản vay	10.787.480.936	12.499.480.936
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	107.510.716	99.344.371
Nợ thuần	10.679.970.220	12.400.136.565
Vốn chủ sở hữu	21.752.000.000	21.752.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,49	0,57

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.





